

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ HÒA THÀNH  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-5-2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H, TỈNH T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm Ly

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Tô Hiền Đức;
2. Ông Đinh Khắc Quỳnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bích Du – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Lê Mỹ D, sinh năm 1968; Địa chỉ: Ô 5/223, Tổ 30, khu phố T, thị trấn G, huyện GD, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* ông Võ Văn P, sinh năm 1966; Địa chỉ: số nhà 11, hẻm 18 đường T, Tổ 7, ấp L, xã T, thị xã H, tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Mỹ D trình bày:*

Bà và ông Võ Văn P chung sống với nhau vào năm 1994, không đăng ký kết hôn. Ông, bà chung sống được 02 năm đến năm 1996 thì ly thân từ đó cho đến nay, không còn quan hệ vợ chồng. Từ năm 1996 ông P về sinh sống tại thị xã H, tỉnh T, còn bà thì sống tại huyện GD, tỉnh T cho đến nay. Ông bà không cò qua lại, nay giữa bà và ông P không còn tình cảm, không còn quan hệ vợ chồng do đó bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông P.

Về con chung: Ông bà có 01 người con chung tên Võ Hằng D, sinh năm 1996, con chung đã thành niên tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông P không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Võ Văn P trình bày:*

Ông thống nhất theo lời trình bày của bà D về thời gian ông bà sống chung, thời gian ly thân. Từ năm 1996 đến nay ông bà không còn quan hệ vợ chồng, không còn sống chung, nay ông cũng đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông bà có một người con chung tên là Võ Hằng D, sinh năm 1996, con chung đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T phát biểu ý kiến:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký Tòa án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà D, ông P là vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết.

Bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: bà Lê Mỹ D và ông Võ Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: bà Lê Mỹ D và ông Võ Văn P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994, nhưng không đăng ký kết hôn. Do không có đăng ký kết hôn nên việc bà D và ông P sống chung là vi phạm quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình do đó giữa bà D và ông P không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông P, ông P cũng đồng ý ly hôn, tuy nhiên không thể công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà do hôn nhân của ông bà không hợp pháp mà cần căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận bà D, ông P là vợ chồng.

[3] Về con chung: bà D, ông P có 01 con chung Võ Hằng D, hiện con chung của anh chị đã thành niên tự lao động sinh sống được bà D, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà D, ông P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết vấn đề này.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H, tỉnh T là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 14, 15, 53, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Tuyên bố không công nhận bà Lê Mỹ D và ông Võ Văn P là vợ chồng.
2. Về con chung: bà D, ông P không yêu cầu giải quyết.
3. Về tài sản chung và nợ chung: bà D, ông P không yêu cầu giải quyết.
4. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà D đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0020697 ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H, tỉnh T, bà D đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh T;
- VKSND thị xã H;
- Chi cục THADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Thị Cẩm Ly**